

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DSST

Ngày 20/4/2026

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ

Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký Tòa án: Ông Hà Quý Đôn - Thư ký TAND khu vực 4-Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2025/DS-ST ngày 06/11/2025 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2026/QĐXXST-DS ngày 06/3/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 71/2026/QĐST-DS ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã P, tỉnh Bắc Ninh.**

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Viết N**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh **Nguyễn Thành T** trình bày:**

Anh và anh **Hoàng Viết N** có quen biết bạn bè với nhau. Ngày 04/8/2022, anh **N** có hỏi vay tiền, cụ thể:

Anh **T** cho anh **N** vay số tiền 150.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 04/8/2022 và anh **N** ký, ghi rõ họ tên "**Hoàng Viết N**" ở mục "*người vay*"; anh **T** ký, ghi rõ họ tên "**Nguyễn Thành T**" ở mục "*người cho vay*". Hai bên không thỏa thuận về lãi suất, mục đích vay: Anh **N** có nói với anh **T** vay mua gỗ, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 04/8/2022 đến ngày trả 04/9/2022 (dương lịch) anh **N** sẽ trả nợ. Đến nay, anh **N** chưa trả cho anh **T** số tiền nêu trên.

Việc cho vay tiền này không liên quan đến vợ anh là chị **C**, không liên quan đến vợ anh **N** là chị **K**.

Đến nay anh **T** đề nghị Tòa án tuyên buộc anh **N** phải trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 5/9/2022 đến ngày 05/9/2025 là 03 năm với mức lãi suất 10%/năm là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu anh **N** phải trả là 195.000.000 đồng.

** Bị đơn anh **Hoàng Viết N** trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án trình bày:* Anh **N** đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, được giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, thừa nhận có vay tiền của anh **T**, nhưng đã trả nhiều lần, không nhớ cụ thể, sẽ sao kê tại ngân hàng cung cấp cho Tòa án sau. Việc vay mượn tiền này không liên quan đến chị **K** là vợ anh, và không liên quan đến chị **C** là vợ anh **T**.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị K** trình bày:*

Chị là vợ anh **N**, việc vay nợ giữa anh **N** và anh **T** chị không biết và không liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn anh **Nguyễn Thành T** trình bày:* Anh vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Đến nay anh đề nghị Tòa án tuyên buộc anh **Hoàng Viết N** trả số nợ gốc là 150.000.000 đồng, lãi phát sinh tính từ ngày 5/9/2022 đến ngày 05/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm là: 45.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu anh **N** phải trả là: 195.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thành T**: Buộc anh **Hoàng Viết N** có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi phát sinh là: 45.000.000 đồng. Tổng số tiền anh **N** phải trả anh **T** là: 195.000.000 đồng.

2. Về án phí: Anh **Hoàng Viết N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.750.000 đồng (*Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của đương sự, về việc thi hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh **Nguyễn Thành T** đề nghị Tòa án giải quyết tuyên buộc anh **Hoàng Viết N** trả số tiền còn nợ và lãi phát sinh. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh **Hoàng Viết N** là bị đơn có địa chỉ cư trú tại **xã T, tỉnh Bắc Ninh**. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **N** và chị **K** theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh **N**, chị **K** vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh **T** và anh **N** có quen biết bạn bè với nhau. Ngày 04/8/2022, anh **N** có hỏi vay tiền, cụ thể:

Ngày 04/8/2022 anh **T** cho anh **N** vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, hai bên có lập giấy vay tiền ghi ngày 04/8/2022 và có chữ ký của anh **N** vào người vay, chữ ký của anh **T** ở mục người cho vay, hai bên không thỏa thuận về

lãi suất, mục đích vay: anh **N** có nói với anh **T** vay mua gỗ, thời hạn là 01 tháng. Khi vay hai bên có thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 04/9/2022 (dương lịch) anh **N** sẽ trả nợ. Sau khi vay tiền, anh **N** chưa trả cho anh **T** số tiền trên.

Đến nay anh **T** đề nghị Tòa án tuyên buộc anh **N** phải trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 5/9/2022 đến ngày 05/9/2025 là 03 năm với mức lãi suất 10%/năm là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu anh **N** phải trả là 195.000.000 đồng.

[2.3] Anh **N** trình bày thừa nhận có vay số tiền trên, tuy nhiên đã nhiều lần trả nợ, cụ thể thì không nhớ, anh sao kê các giao dịch gửi Tòa án sau.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh **N**; tuy nhiên đến nay anh **N** không cung cấp được các tài liệu chứng cứ về việc đã trả tiền anh **T**. Do vậy, không có căn cứ chứng minh anh **N** đã nhiều lần trả tiền cho anh **T** như anh **N** đã khai.

[2.4] Chị **Nguyễn Thị K** có lời trình bày: Chị là vợ anh **N**, chị không biết và không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa anh **T** và anh **N** và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

[2.5] Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 04/8/2022 anh **T** cho anh **N** vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, hai bên có lập giấy vay tiền ghi ngày 04/8/2022 và có chữ ký của anh **N** vào người vay, chữ ký của anh **T** ở mục người cho vay, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn là 01 tháng. Khi vay hai bên có thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 04/9/2022 (dương lịch) anh **N** sẽ trả nợ nhưng đến nay anh **N** chưa trả cho anh **T** số tiền trên. Anh **N** có lời khai thừa nhận nợ và trình bày đã nhiều lần trả tiền cho anh **T** nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

Do đó, xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ là ngày 04/9/2022. Kể từ ngày 05/9/2022, anh **Hoàng Việt N** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thành T**, buộc anh **N** phải thanh toán số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của anh **T** về việc buộc anh **N** trả tiền lãi: Mặc dù các bên không có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên anh **T** yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền chậm trả với mức 10%/năm kể từ ngày 05/9/2022. Xét thấy, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và lãi suất trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ, nên có căn cứ chấp nhận. Thời gian tính lãi được xác định tròn 03 năm, số tiền lãi là 45.000.000 đồng.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **T** về việc đề nghị Tòa án tuyên buộc anh **N** phải trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 5/9/2022 đến ngày 05/9/2025 là 03 năm với mức lãi suất 10%/năm là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu anh **N** phải trả là 195.000.000 đồng.

[2.6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thành T** được chấp nhận, do đó anh **Hoàng Viết N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.750.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hoàn trả anh **Nguyễn Thành T** số tiền 4.875.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003107 ngày 06 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[2.7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thành T**: Buộc anh **Hoàng Viết N** phải trả anh **Nguyễn Thành T** số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền anh **Hoàng Viết N** phải trả anh **Nguyễn Thành T** là 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí: Anh **Hoàng Viết N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.750.000 đồng (*Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả anh **Nguyễn Thành T** số tiền 4.875.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003107 ngày 06 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Yên

Giáp Thị Loan

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Yên

Giáp Thị Loan

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Yên

Giáp Thị Loan

